

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
KHU VỰC 8  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/DS - ST

Ngày 13/5/2026

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.  
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thoa và ông Hồ Ngọc Quyết.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại: Phòng xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2026/QĐST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N - Chức vụ: Quyền tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đăng H - Trưởng phòng G thuộc chi nhánh Q (theo Quyết định uỷ quyền số: 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1978; địa chỉ nơi cư trú: Thôn A, xã C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, trình bày:

Ngân hàng TMCP S (S1) - Chi nhánh Q - Phòng G có tài trợ cho Ông Lê Văn D sử dụng thẻ tín dụng số 3024566840. Theo đó, ông Lê Văn D đã sử dụng số tiền 61.547.729 (Sáu mươi một triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi chín) đồng. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Tín chấp. Do Ông Lê Văn D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, S1 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù S1 thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu Ông Lê Văn D có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S1 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông D trả nợ. Tuy nhiên, ông Lê Văn D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Tính đến

ngày 13/5/2026, ông **Lê Văn D** có còn nợ **Ngân hàng S1** tổng số tiền là 154.074.256 (một trăm năm tư triệu không trăm bảy bốn nghìn hai trăm năm sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc: 61.547.729 (sáu mươi một triệu năm trăm bốn bảy nghìn bảy trăm hai chín) đồng, lãi trong hạn: 61.684.351 (sáu mươi một triệu sáu trăm tám tư nghìn ba trăm năm một) đồng, lãi quá hạn: 30.842.176 (ba mươi triệu tám trăm bốn hai nghìn một trăm bảy sáu) đồng. Vì vậy **Ngân hàng S1** yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Ông **Lê Văn D** phải trả cho **S1** với tổng số tiền tính đến thời điểm ngày 13/5/2026 là 154.074.256 (một trăm năm tư triệu không trăm bảy bốn nghìn hai trăm năm sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc: 61.547.729 (sáu mươi một triệu năm trăm bốn bảy nghìn bảy trăm hai chín) đồng, lãi trong hạn: 61.684.351 (sáu mươi một triệu sáu trăm tám tư nghìn ba trăm năm một) đồng, lãi quá hạn: 30.842.176 (ba mươi triệu tám trăm bốn hai nghìn một trăm bảy sáu) đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 13/5/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn ông **Lê Văn D**: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông **D** nhưng ông **D** không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông **D** đến tham gia tố tụng tại phiên Tòa nhưng ông **D** vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **Lê Văn D** vắng mặt lần 02 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên Tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 116, 117, 118, 119, Điều 280, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư 39/2016/TT-NHNN Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S**: Buộc ông **Lê Văn D** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền tính đến ngày 13/5/2026 là 154.074.256 đồng, trong đó: Nợ gốc

61.547.729) đồng, lãi trong hạn 61.684.351 đồng, lãi quá hạn 30.842.176 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông **Lê Văn D** còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: **S1** khởi kiện yêu cầu ông **Lê Văn D** thanh toán khoản nợ phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại **xã C, tỉnh Quảng Trị** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 09/01/2020, ông **Lê Văn D** ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với **Ngân hàng TMCP S**. Hợp đồng được xác lập tự nguyện, hợp pháp, có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 117, 119, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi được cấp thẻ, ông **D** đã sử dụng hạn mức tín dụng nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Theo tài liệu, sao kê giao dịch và bảng tính dư nợ do Ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 13/5/2026 ông **D** còn nợ gốc: 61.547.729 đồng; lãi trong hạn: 61.684.351 đồng; lãi quá hạn: 30.842.176 đồng. Tổng cộng: 154.074.256 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu chứng minh đã thanh toán khoản nợ hoặc phản đối cách tính lãi của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận là giao dịch cấp tín dụng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn phù hợp với khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 116, 117, 118, 119, Điều 280, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S:**

1. Buộc ông **Lê Văn D** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền tính đến ngày 13/5/2026 là 154.074.256 (*một trăm năm tư triệu không trăm bảy bốn nghìn hai trăm năm sáu*) đồng, trong đó: Nợ gốc 61.547.729 (*sáu mươi một triệu năm trăm bốn bảy nghìn bảy trăm hai chín*) đồng, lãi trong hạn 61.684.351 (*sáu mươi một triệu sáu trăm tám tư nghìn ba trăm năm một*) đồng, lãi quá hạn 30.842.176 (*ba mươi triệu tám trăm bốn hai nghìn một trăm bảy sáu*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2026), ông **Lê Văn D** còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Buộc ông **Lê Văn D** phải chịu 7.703.713 (*bảy triệu bảy trăm lẻ ba nghìn bảy trăm mười ba*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.179.400 (*ba triệu một trăm bảy chín nghìn bốn trăm*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001202 ngày 22/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Ngọc Vĩnh**



